TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2018/KDTM-ST
Ngày: 22-05-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng kinh tế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Kim Nhung
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Hồ Hải Thành và bà Võ Thị Phương
- ***Thư ký phiên tòa:*** Phạm Thị Thảo – Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 4 năm 2018; quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-KDTM ngày 23/4/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty TNHH T**; Địa chỉ: Khối II – Thị trấn N- huyện N, tỉnh Q. Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Xuân M, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thúy K, sinh năm 1994 và ông Võ Quang K, sinh năm 1995; cùng trú tại: Số 557 Nguyễn Hữu T, phường K, quận C, thành phố Đ. *(Theo văn bản ủy quyền ngày 7/12/2017). Có mặt.*

- *Bị đơn:* **Công ty cổ phần nhà thép T**; trụ sở: Số 06 Lý Văn T, phường A, quận S, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang V, chức vụ: Tổng giám đốc. *Vắng mặt lần 02 không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 20/12/2017 và các bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thúy K trình bày:

Vào ngày 28/2/2015, giữa Công ty TNHH T (Bên B) và Công ty Cổ phần nhà thép T (Bên A) có ký với nhau: Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2015 với nội dung là Công ty TNHH T nhận gia công.

Hệ thống cầu đỡ tuyến E tại công ty TNHH N, khu công nghiệp H, cảng T, xã T, huyện N, tỉnh Q. Giá trị hợp đồng là 2.422.503.000 đồng, giá trị quyết toán 2.422.503.000 đồng. Theo Điều 3.1 nghiệm thu và thanh toán của hợp đồng: Khi kết cấu thép được tập trung tại công trường của bên A và được nghiệm thu thì bên A thanh toán cho bên B 85% giá trị thực hiện. Số tiền 10% giá trị bên A tạm giữ lại cho việc đảm bảo cho việc chủ đầu tư nghiệm thu và thanh toán dứt điểm cho bên B trong vòng 7 ngày kể từ ngày bên A nhận biên bản chấp nhận nghiệm thu của chủ đầu tư. Gía trị 5% là số tiền bên công ty cổ phần Nhà thép T giữ lại để bảo hành và khi hết thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thì sẽ thanh toán cho bên Công ty TNHH T trong vòng 7 ngày.

Sau khi ký hợp đồng, bên B chúng tôi đã thi công hoàn thiện 100% giá trị hợp đồng tại công trình. Bên B đã nhiều lần làm đối chiếu công nợ và đối chiếu công nợ cuối cùng vào ngày 14/10/2017.

Bên A đã nhiều lần cam kết trả hết số tiền đã đối chiếu công nợ cho bên B, nhưng bên A chỉ mới thanh toán cho bên B số tiền 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Căn cứ vào biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 14/10/2017 thì Công ty Cổ phần nhà thép T còn nợ Công ty THNN T số tiền 2.452.581.614 đồng. Từ đó đến nay, Công ty Cổ phần nhà thép T chưa trả đồng nào dù đã có nhiều văn bản đòi nợ.

Nhận thấy Công ty Cổ phần nhà thép T đã không có thiện chí trong việc trã số nợ nêu trên mặc dù họ có dủ khả năng thực hiện việc này. Do đó, Công ty TNHH T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần nhà thép T phải trả số tiền 2.452.581.614 đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.972.502.000đồng và tiền nợ quá hạn chậm trả tính trên số nợ gốc theo cam kết thanh toán và biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2017 là 480.078.614đồng.

** Bị đơn Công ty Cổ phần nhà thép T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến nên không có lời khai của Công ty Cổ phần nhà thép T trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Đại diện nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/3/2018; 02/4/2018; phiên tòa ngày 23/4/2018 và ngày hôm nay 22/5/2018 là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 290; 547; 552 và 557 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 140 và 144 Luật xây dựng năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần nhà thép T phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 2.452.581.614 đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.972.502.000đồng và tiền nợ quá hạn chậm trả tính trên số nợ gốc theo cam kết thanh toán và biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2017 là 480.078.614đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đơn khởi kiện của Công ty TNHH T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty Cổ phần nhà thép T (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đại diện nguyên đơn Công ty TNHH T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

Công ty TNHH T đã thi công hoàn thiện 100% giá trị hợp đồng tại công trình cho Công ty Cổ phần nhà thép T theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2015 (Thể hiện tại bảng xác định giá trị quyết toán khối lượng hoàn thành theo hợp đồng số 01/HĐKT/2015 và biên bản đối chiếu công nợ thể hiện tính đến ngày 14 tháng 10 năm 2017, Công ty Cổ phần nhà thép T còn nợ số tiền 2.452.581.614 đồng *(Hai tỷ*

bốn trăm năm mươi hai triệu năm trăm tám mươi mốt ngàn sáu trăm mười bốn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Công ty Công ty Cổ phần nhà thép T phải thanh toán tổng số tiền 2.452.581.614 đồng. Trong đó nợ gốc là: 1.972.502.000đồng và tiền nợ quá hạn chậm trả tính trên số nợ gốc theo cam kết thanh toán và biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2017 là 480.078.614đồng.

[3] Xét các yêu cầu của Công ty TNHH T thì thấy:

Ngày 28/2/2015 Công ty TNHH T và Công ty Cổ phần nhà thép T đã thống nhất ký hợp đồng kinh tế về việc nhận gia công sản xuất hệ thống cầu đỡ tuyến E tại Công ty TNHH N, tỉnh Q. Đây là hợp đồng kinh tế được các bên ký kết đúng về hình thức và nội dung nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2017 được ký kết giữa hai bên thể hiện Công ty Cổ phần nhà thép T còn nợ Công ty TNHH T số tiền 2.452.581.614 đồng. Do đó, việc Công ty TNHH T khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần nhà thép T thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng là 2.452.581.614 đồng là có cơ sở phù hợp với các Điều 290; 547; 552 và 557 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 140; 144 của Luật xây dựng năm 2014, nên được chấp nhận.

Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH T, buộc Công ty Cổ phần nhà thép T phải thanh toán số tiền 2.452.581.614 đồng. Trong đó nợ tiền gốc 1.972.502.000đồng và tiền nợ quá hạn chậm trả tính trên số nợ gốc theo cam kết thanh toán và biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2017 là 480.078.614đồng.

[5] Về án phí:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về số tiền 2.452.581.614 đồng, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại với mức thu là:

{2.452.581.614) đồng = [72.000.000 đồng + (2% x 452.581.614 đồng) = 4.096.000]} = 81.051632 đồng *Vì các lẽ trên;*

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 290; 547; 552 và 557 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 140 và 144 Luật xây dựng năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp hợp đồng kinh tế* " của Công ty TNHH T đối với Công ty Cổ phần nhà thép T.

Xử:

1. Buộc Công ty Cổ phần nhà thép T phải thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền 2.452.581.614 đồng. Trong đó nợ tiền gốc 1.972.502.000đồng và tiền nợ quá hạn chậm trả tính trên số nợ gốc theo cam kết thanh toán và biên bản đối chiếu công nợ ngày 14/10/2017 là 480.078.614đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM - ST:

- Công ty Cổ phần nhà thép T phải chịu: 81.051632 đồng
- Hoàn lại cho Công ty TNHH T số tiền 76.096.000 đồng.

theo biên lai thu số 008467 ngày 02/01/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát quận S*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA